

Top 2 bài văn mẫu So sánh hai đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ và Trao duyên để thấy được nhân vật người phụ nữ trong xã hội phong kiến Văn 10 tuyển chọn, hay nhất sẽ giúp các em học sinh đưa ra các lập luận, lý lẽ chính xác và ý nghĩa nhất để hoàn thành xuất sắc bài viết của mình.

***So sánh hai đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ và Trao duyên để thấy được nhân vật người phụ nữ trong xã hội phong kiến Ngữ Văn lớp 10 mẫu 1***

Trong Truyện Kiều, thi hào Nguyễn Du đã mượn lời Thuý Kiều - cô gái tài hoa bạc mệnh, để khái quát chung về số phận bi thảm của người phụ nữ dưới thời phong kiến trọng nam khinh nữ:

Đau đớn thay phận đàn bà

Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.

Câu thơ thấm đẫm nỗi xót xa, ai oán, như một lời than phần uất trước định mệnh bất công. Tiếc thay, trong xã hội như thế thì bạc mệnh đã trở thành số phận chung của bao kẻ hồng nhan. Các tác phẩm nổi tiếng như Độc Tiểu Thanh kí (Nguyễn Du), Chinh phụ ngâm (Đặng Trần Côn) và Cung oán ngâm khúc (Nguyễn Gia Thiều) đã chứng minh cho bi kịch ấy.

Độc Tiểu Thanh kí là một trong những bài thơ chữ Hán hay nhất của Nguyễn Du, in trong Thanh Hiên thi tập. Có thể Nguyễn Du sáng tác bài thơ này trước hoặc sau khi được triều đình nhà Nguyễn cử đi sứ sang Trung Quốc. Thắng cảnh Tây Hồ gắn liền với giai thoại về nàng Tiểu Thanh tài sắc, sống vào đầu đời Minh. Vì hoàn cảnh éo le, nàng phải làm lẽ một thương gia giàu có họ Phùng ở Hàng Châu. Vợ cả ghen, bắt Tiểu Thanh ở một mình trong ngôi nhà biệt lập trên núi Cô Sơn. Tuổi thanh xuân của nàng bị giam hãm trong bốn bức tường quạnh quẽ. Thương thân, tiếc phận, Tiểu Thanh làm một tập thơ ghi lại tâm trạng đau khổ của mình. Ít lâu sau, nàng-chết vì buồn, giữa lúc tuổi vừa mười tám. Nàng chết rồi, vợ cả vẫn ghen, đem đốt tập thơ, may còn sót lại một số bài được người đương thời chép lại, đặt tên là Phần dư (đốt còn sót lại) và thuật luôn câu chuyện bạc mệnh của nàng.

Nguyễn Du đọc những bài thơ ấy, lòng dạt dào thương cảm cô gái tài hoa bạc mệnh, đồng thời bày tỏ nỗi băn khoăn, day dứt trước số phận bất hạnh của bao phụ nữ tài hoa khác, cảm xúc ấy đã được tác giả thể hiện qua bài thơ nổi tiếng:

Tây Hồ cảnh đẹp hoá gò hoang,

Thôn thức bên sông mảnh giấy tàn.

Son phấn có thần chôn vẫn hận,  
Văn chương không mệnh đốt còn vương.  
Nỗi hờn kim cổ trời khôn hỏi.  
Cái ản phong lưu khách tự mang,  
Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa,  
Người đời ai khóc Tô Như chàng?

Đến với Tiểu Thanh ba trăm năm sau khi nàng mất, nhà thơ ngậm ngùi trước cảnh đời tang thương dâu bể cảnh đẹp Tây Hồ đã hoá gò hoang Thời gian huỷ hoại tất cả. Trên gò hoang ấy chôn vùi nắm xương tàn của nàng Tiểu Thanh xấu số. Nhắc đến cảnh đẹp Tây Hồ, chắc hẳn tác giả có ý nói về con người đã từng sống ở đây, tức nàng Tiểu Thanh. Cuộc đời của người con gái tài sắc ấy cũng chẳng còn lại gì ngoài những giai thoại về nàng, cảnh ấy khiến tình này nhân lên gấp bội. Trái tim của thi sĩ thôn thức trước tập thơ gợi lại kiếp người xấu số:

Tây Hồ cảnh đẹp hoá gò hoang,  
Thôn thức bên song mảnh giấy tàn.

Tiểu Thanh đã bày tỏ tâm trạng của mình qua tập thơ như thế nào? Chắc chắn đó là nỗi buồn tủi cho thân phận, nỗi xót xa cho duyên kiếp dở dang và thống thiết hơn cả là nỗi đau nhân tình không người chia sẻ. Nhà thơ khóc thương Tiểu Thanh tài hoa bạc mệnh và có cảm giác như linh hồn nàng vẫn còn vương vấn đâu đây. Nàng chết trong cô đơn, héo hắt. Tuổi thanh xuân của nàng đã bị đọa đày, tước đoạt thì oan hồn nàng làm sao siêu thoát được?

Son phấn có thần chôn vẫn hận,  
Văn chương vô mệnh đốt còn vương.

Son phấn tượng trưng cho sắc đẹp của phụ nữ, mà sắc đẹp thì có thần. Dù người đẹp có thể bị đọa đày, vùi dập và chết đi thì tên tuổi họ vẫn đời đời lưu lại như Tây Thi, Dương Quý Phi... Văn chương là cái tài của Tiểu Thanh nói riêng và cũng là vẻ đẹp tinh thần của giới văn nhân tài tử nói chung. Vả chương vô mệnh bởi nó không biết đến sống chết, ấy vậy mà ở đây, chương như có linh hồn, cũng biết giận hờn và biết cố gắng chống bạo lực hủy diệt để tồn tại, để nhắn gửi đến hậu thế những điều tâm huyết.

Dù tập thơ của Tiểu Thanh đã bị đốt phần lớn nhưng chỉ một chút còn lại cũng đủ để người đời thương cảm và xót xa cho nàng. Trong xã hội phong kiến cũ, có biết bao nhiêu nàng Tiểu Thanh như thế? Cùng một mối thông cảm và xót thương như Nguyễn Du, Đặng Trần Côn đã sáng tác ra Chinh phụ ngâm để phản ánh nỗi khổ của những người phụ nữ có chồng ra trận, lên án chiến tranh gây nên cảnh sinh li tử biệt. Tác phẩm chứa đựng tư tưởng đòi quyền sống, quyền hưởng hạnh phúc của con người. Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm đã dịch từ chữ Hán sang chữ Nôm, chuyển tải một cách tài tình nội dung và nghệ thuật của nguyên tác.

Đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ gồm từ câu 193 đến câu 228, kể về việc sau buổi tiễn đưa, người chinh phụ trở về, tưởng tượng ra cảnh chiến trường đầy hiểm nguy chót chóc mà xót xa, lo lắng cho chồng. Một lần nữa nàng tự hỏi vì sao đôi lứa phải chia lìa? Vì sao nàng phải lâm vào tình cảnh éo le một mình nuôi mẹ già con dại? Vì sao nàng có chồng mà lại phải chịu cảnh phòng không chiếc bóng? Có thể coi đây là đoạn thơ thể hiện rõ nhất tài năng miêu tả tâm lí nhân vật của tác giả.

Người chồng đã lên đường ra trận, người vợ thấy lòng trống vắng lạ lùng. Nàng lặng lẽ Đạo hiên vắng thềm gieo từng bước, trong nỗi cô đơn trĩu nặng. Tâm trạng nàng bồn chồn, đứng ngồi không yên, sốt ruột mong ngóng tin vui mà chẳng thấy. Suốt năm canh một mình một bóng bên đèn, nỗi khổ không biết san sẻ cùng ai:

Đèn có biết dường bằng chẳng biết?

Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.

Buồn rầu nói chẳng nên lời,

Hoa đèn kia với bóng người khá thương!

Gà eo óc gáy sương năm trống,

Hòe phát phơ rú bóng bốn bên.

Khắc giờ đằng đẵng như niên,

Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa.

Nỗi ai oán hiện rõ trong từng chữ, từng câu, cho dù tác giả không hề nhắc đến hai chữ chiến tranh:

Hương gượng đốt hồn đà mê mải,

Gương gương soi lệ lại châu chan.

Sắt cầm gương gãy ngón đàn,

Dây yên kinh đứt phím loan ngại chùng.

Sắt cầm, yên ương, loan phụng là những hình ảnh ước lệ tượng trưng cho tình yêu nam nữ, tình nghĩa vợ chồng. Nay vợ chồng xa cách, tất cả đều trở nên vô nghĩa. Đường như người chinh phụ không muốn đụng tới bất cứ thứ gì vì tình cảm đến sự chia lìa, tan vỡ của hạnh phúc lứa đôi. Tâm thư của nàng thật chông chênh, chơi vơi, khiến cho cuộc sống trở nên khổ sở, bất an. Mong chờ trong nỗi sợ hãi và tuyệt vọng, nàng chỉ còn biết gửi nhớ thương theo cơn gió:

Lòng này gửi gió đông có tiện?

Nghìn vàng gửi đến non yên

Non Yên dù chẳng tới miền,

Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời.

Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu,

Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.

Cảnh buồn người thiết tha lòng.

Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun.

Tình cảnh ấy, tâm trạng ấy tự nó đã nói lên bi kịch không được sống hạnh phúc của người phụ nữ trong xã hội cũ, đồng thời cũng phản ánh thái độ lên án chiến tranh của tác giả. Cung oán ngâm khúc của Nguyễn Gia Thiều là lời ca ai oán của người cung nữ có tài sắc, lúc đầu được vua yêu chuộng, nhưng chẳng bao lâu lại bị ruồng bỏ, lãng quên, ở trong cung cấm, nàng xót thương cho thân phận mình và oán trách nhà vua phụ bạc.

Đoạn trích Nỗi sầu oán của người cung nữ gồm 36 câu, từ câu 209 đến 244 của tác phẩm. Nhà thơ đặc tả tâm trạng chua chát, cay đắng của người cung nữ:

Trong cung quế âm thầm chiếc bóng,

Đêm năm canh trông ngóng lần lần.

Khoảnh làm chi bấy chúa xuân!

Chơi hoa cho rữa nhụy dần lại thôi.

Trong tình cảnh cô đơn và tuyệt vọng, nàng nhớ lại ngay mối vao cung, nhan sắc tươi đẹp, mơn mớn như bông hoa vừa hé nở, thắm sắc thơm hương. Còn giờ đây, thân phận nàng nào có khác chi hoa tàn nhụy rữa, chẳng ai còn thương tưởng, đái hoài. Càng ngẫm nghĩ lại càng chua xót. Nỗi chua xót, tủi hờn cứ theo ngày tháng mà cuộn dâng, giày vò tâm hồn và thể xác nàng. Người cung nữ cay đắng và bất bình trước một điều phi lí: Bỗng không mà hoá ra người vị vọng, có nghĩa là mình chẳng khác chi một người đàn bà góa bụa, trở trẻ hơn là góa bụa giữa tuổi xuân xanh. Tâm trạng của người cung nữ lúc ngậm ngùi buồn khổ, lúc ai oán băn khoăn, khi thần thờ da diết và cuối cùng là bức bối, giận hờn. Đường như nàng ngày một chìm sâu trong nỗi chán chường, tuyệt vọng. Không thể giải thoát khỏi cảnh cô đơn, nàng âm thầm rút vào cuộc sống nội tâm đầy giằng xé, dần vật. Nàng buồn rầu đến khắc khoải, ngao ngán đến ngán ngờ và đau đớn đến xé lòng khi nhìn, thẳng vào thực trạng thê thảm của số phận:

Một mình đứng tủi ngồi sầu,

Đã than với nguyệt lại rầu với hoa!

Buồn mọi nỗi lòng đã khắc khoải,

Ngán trăm chiều, bước lại ngán ngờ.

Hoa này bướm nở thờ ơ,

Đề gầy bông thắm, đề xơ nhụy vàng!

Nỗi buồn tủi đã kéo dài quá sức chịu đựng, người cung nữ oán trách nhà vua một cách gián tiếp nhưng không kém phần gay gắt:

Đêm năm canh lần nường vách quế.

Cái buồn này ai dễ giết nhau.

Giết nhau chẳng cái lưu cầu,

Giết nhau bằng cái u sầu, độc chưa!

Cuối cùng là sự bất bình của nàng trước số kiếp hồng nhan bạc mệnh, muốn phá tung tất cả cung vàng lầu ngọc để trở về với cuộc sống bình thường, dân dã mà hạnh phúc:

Tay nguyệt lão chẳng xe thì chớ!

Xe thế này có dở dang không?

Dang tay muốn dứt tơ hồng,

Bực mình muốn đập tiêu phòng mà ra!

Các nhà thơ có lòng nhân ái sâu xa đã đưa hình tượng người phụ nữ cùng bi kịch của họ vào văn chương muôn đời. Những số phận bất hạnh như Tiểu Thanh, Thúy Kiều, người chinh phụ, người cung nữ tề chi là một vài trong muôn triệu kiếp sống khổ đau dưới xã hội phong kiến đầy ràng buộc khắt khe và định kiến nghiệt ngã đối với phụ nữ. Đọc thơ của các nhà thơ trên, chúng ta hiểu vì sao phải xoá bỏ xã hội bảo thủ, bất công, lạc hậu ấy để bảo vệ quyền sống tự do, hạnh phúc cho phụ nữ nói riêng và con người nói chung.

***Văn mẫu lớp 10 So sánh hai đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ và Trao duyên để thấy được nhân vật người phụ nữ trong xã hội phong kiến mẫu 2***

Người phụ nữ dù ở bất cứ thời kì nào cũng luôn là phái yếu, luôn là người chịu những thiệt thòi đặc biệt là trong xã hội phong kiến xưa. Có thể nói, xã hội ấy đã cướp đi của người phụ nữ không biết bao nhiêu quyền lợi cũng như gây nên cho họ biết bao đau thương. Vậy nên, các nhà văn thời kì trung đại đã ưu ái đặt người phụ nữ thành trung tâm các tác phẩm của họ, để phơi bày những nỗi khổ cũng như làm sáng lên nhân cách cao đẹp của họ. Và chúng ta có thể cảm nhận rõ được thân phận của người phụ nữ trong xã hội đương thời thông qua một số đoạn trích trong các tác phẩm trung đại như đoạn trích Trao duyên, Nỗi thương mình và Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ.

Các đoạn trích trên được sáng tác trong giai đoạn lịch sử phong kiến Việt Nam khi mà Nho giáo xuất hiện và thống trị bối cảnh xã hội thời bấy giờ. Là người phụ nữ trong xã hội, họ chịu ảnh hưởng nặng nề từ chế độ phong kiến Nho giáo bởi Nho giáo thì coi trọng bậc nam tử, coi những người phụ nữ chỉ là cái bóng phía sau người đàn ông và họ còn phải chịu đựng những thiệt thòi, áp bức từ giai cấp cường quyền, các hủ tục và các tư tưởng lễ nghĩa. Tư tưởng "trọng nam khinh nữ" khi ấy đã ăn sâu vào tâm trí, phong tục cũng như lối sống của người xưa, vậy nên, người phụ nữ càng phải chịu thêm nhiều áp bức, bị bó buộc trong tam quan "tam tòng tứ đức", không được học hành, bị gò bó về cả thể xác lẫn tinh thần. Không chỉ vậy

tham vọng mở rộng bờ cõi của các bậc vua chúa cũng là một phần đẩy người phụ nữ vào bi kịch cuộc đời.

Những người phụ nữ ngày xưa thường được dạy dỗ rằng phải biết "tam tòng tứ đức", cầm kỳ thi họa, và phải giúp ích cho chồng con, cung phụng chồng con cũng như phải một lòng vì gia đình nhà chồng. Bởi vậy khi lớn lên, họ là biểu trưng, là hiện thân cho cái đẹp không chỉ ngoại hình mà còn là phẩm chất với sự thủy chung, hiếu thảo, đức hi sinh, tài năng và khát khao hạnh phúc lứa đôi.

Ví như trong tác phẩm Truyện Kiều, Thúy Kiều - nàng là hiện thân của cái đẹp mà đầu tiên là nét đẹp về nhan sắc "chim sa cá lặn":

"Làn thu thủy nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh"

Vẻ đẹp ấy không chỉ khiến trăm hoa phải ghen tỵ mà hàng liễu cũng phải cúi đầu khi đứng trước nàng. Biết bao câu từ để miêu tả vẻ đẹp rạng ngời ấy của nàng, nhan sắc ấy của nàng! Và Kiều chẳng những đẹp ở dung nhan mà còn đẹp ở tài năng vượt trội. Cầm, kì, thi, họa, ngón nghề nào nàng cũng tinh thông, đặc biệt là tài năng gảy đàn với những khúc nhạc tuyệt đỉnh:

"Cung thương lầu bậc ngũ âm

Nghề riêng ăn đứt Hồ cầm một chương"

Những khúc đàn của nàng khiến người nghe phải rơi lệ, khiến cho Hồ Tôn Hiến hay bao gã đàn ông khác phải mê say. Có thể nói, Kiều là minh chứng cho câu nói "tài sắc vẹn toàn".

Không chỉ vậy, nàng còn là một người con vô cùng hiếu thảo, là một người phụ nữ có đức hy sinh vô cùng cao cả. Cha và em trai bị bắt bớ vô cớ, muốn được cứu ra phải tốn trăm lạng vàng, những tưởng một phận liễu yếu đào tơ như nàng không thể xoay sở. Nhưng không, nàng đã chấp nhận, nuốt nước mắt, bán mình lấy bốn trăm lạng vàng cứu lấy người thân của mình, chấp nhận làm vợ lẽ cho người ta:

"Cò kè bớt một thêm hai

Giờ sau ngã giá vàng ngoài bốn trăm".

Phải nói, thế gian mấy ai có được sự hiếu thảo, sự hy sinh cao cả như Kiều. Nàng quả là người con gái hiếu thảo hết mực. Và nàng cũng là một người phụ nữ hết mực lo lắng cho người mình yêu, thủy chung, son sắt và vô cùng thông minh.

Đêm cuối trước ngày ra đi, Kiều đã nhờ Thúy Vân "chấp mối duyên thừa" của mình, trao cho người em tình yêu đầu với Kim Trọng. Nàng trao hết những kỷ vật của mình và người yêu cho em, mong em giúp mình nên duyên cùng chàng Kim. Bằng những lời nói thông minh thuyết phục em mình, Kiều đã thuyết phục được Vân nối tiếp duyên nợ với chàng Kim, thế nhưng trong thâm tâm của Kiều, nàng vẫn luôn đau đáu mối duyên tình đậm sâu ấy, thủy chung một lòng với người mình yêu thương. Đến khi nghĩ tới viễn cảnh cái chết nơi âm tào địa phủ, nàng vẫn luôn canh cánh về "lời thề" dưới ánh trăng hôm ấy:

"Hồn còn mang nặng lời thề

Rẫy xin chén nước cho người thác oan"

Một lời thề nguyện ăn sâu vào trái tim của nàng, khiến nàng luôn đau đáu khôn nguôi, dù có trao đi kỷ vật, trao lại cho em gái tất cả nhưng mối duyên đậm sâu kia, nàng chẳng thể nào buông bỏ được.

Nhắc về sự thủy chung trong tình yêu thì không thể nhắc tới người chinh phụ trong "Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ" của Đặng Trần Côn được. Bởi người phụ nữ ấy là minh chứng rõ ràng nhất cho tấm lòng thủy chung, son sắt của người vợ đối với chồng mình. Chồng ở nơi biên ải xa xôi, người vợ ở nhà năm canh đều trông đợi, mòn mỏi bên cạnh chiếc đèn khuya. Người phụ nữ ấy khao khát có được một mái ấm, một niềm hạnh phúc bé nhỏ bên người chồng của mình, vậy nên khi mong ngóng chồng, thời khắc trôi qua mà "đằng đẵng như niên":

"Gà eo óc gáy sương năm trống

Hòe phát phơ rủ bóng bốn bên

Khắc giờ đằng đẵng như niên

Mối sầu dằng dặc tựa miền bể xa"

Người chinh phụ ấy không chỉ có đức hy sinh cao cả, sự thủy chung một lòng với chồng mà còn luôn khao khát hạnh phúc lứa đôi. Đây chính là những phẩm chất cao đẹp của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Và Kiều cũng vậy, nàng là một trong những người phụ nữ tiêu biểu cho hình ảnh người phụ nữ Việt Nam trong xã



hội phong kiến xưa, là hiện thân cho cái đẹp, vừa thủy chung, hiếu thảo, tài năng lại luôn biết hy sinh vì người khác.

Những người phụ nữ như thế, đáng ra họ phải có được một cuộc sống hạnh phúc, an yên, với những người đàn ông yêu thương, trân trọng và lo lắng hết mực cho họ mới phải. Thế nhưng, dù có xinh đẹp, giỏi giang, tài năng thế nào thì những người phụ nữ ấy đều phải chịu đựng đủ mọi thiệt thòi trong xã hội, bị coi thường, bị rẻ rúng, trở thành những cái bóng mờ nhạt giữa cuộc đời. Họ thành những nạn nhân của xã hội phong kiến với những bi kịch chồng chất.

Đôi với Nho giáo, vị thế của người đàn ông là độc tôn trong xã hội, họ được hưởng thụ mọi quyền lợi cũng như được đáp ứng tất cả các nhu cầu khác. Nếu như người phụ nữ phải chịu bó buộc trong lễ giáo, với "tam tòng tứ đức" thì người đàn ông lại được phép "năm thê bảy thiếp", người phụ nữ cả đời chỉ thờ một chồng, còn người đàn ông thì mặc sức cưới hỏi, chơi bời. Đây chính là một phần làm nên bi kịch của người phụ nữ: chế độ đa thê, nam quyền, người đàn ông được phép quyết định mọi thứ, chính điều này đã làm nên những bi kịch đau khổ cho người phụ nữ. Như trong trích đoạn Nỗi thương mình, Kiều sau khi bán mình cứu cha thì bị lừa bán vào lầu xanh, ở đây, mỗi ngày, biết bao kẻ nam nhân kéo nhau ra vào lũ lượt mua vui trên thân xác người phụ nữ:

"Biết bao bướm lả ong lơi

Cuộc say đầy thánng trận cười suốt đêm

Dập dìu lá gió cành chim

Sớm đưa Tống Ngọc, tối tìm Trường Khanh"

Nếu như người vợ, người phụ nữ phải luôn ở nhà lo việc nhà cửa, cơm nước, chăm sóc con trẻ, thủy chung chờ chồng, coi chồng là bầu trời, là tất cả thì những người đàn ông luôn được đứng cao hơn họ một bậc, mặc sức ăn chơi trong những chốn xa hoa, lầu xanh. Chế độ đa thê, nam quyền trong xã hội phong kiến đã gây nên nỗi khổ đau, thiệt thòi cho người phụ nữ mà không điều gì có thể bù đắp được.

Không chỉ vậy, xã hội ấy còn là một xã hội với bao điều bất công, khi những kẻ nắm trong tay sức mạnh luôn đi đàn áp những kẻ yếu thế hơn và một xã hội mà đồng tiền là cán cân đánh giá tất cả.

Vì tiền mà Kiều phải bán mình cứu lấy cha và em, vì tiền mà cuộc đời của Kiều mới bi thảm mà hết lần này tới lần khác bị lừa bán vào chốn lầu xanh như nhóp, biến cuộc đời một cô gái khuê các thành mười lăm năm lưu lạc đau khổ. Vì đồng

tiền mà những ma cô dẫn gái đã biến Kiều trở thành một gái làng chơi khiến một người con gái xinh đẹp, tài năng phải chán chường chính bản thân mình:

"Mặt sao dày gió dạn sương

Thân sao bướm chán ong chường bấy thân

Mặc người mưa Sở gió Tần

Những mình nào biết có xuân là gì"

Cũng chính vì đồng tiền mà người con gái ấy phải từ bỏ mối tình đầu đầy hạnh phúc, trao lại duyên tình của mình cho em gái, thuyết phục em gái trả nghĩa cho tình lang của mình:

"Lạy em em có chịu lời

Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa

Giữa đường đứt gánh tương tư

Keo loan chấp mối tơ thừa mặc em"

Nếu như xã hội ấy công bằng hơn, có tình người hơn thì liệu rằng, Kiều có phải dứt lòng trao duyên, có phải đến nỗi bán mình lấy tiền cứu cha hay không? Chắc chắn là không! Bởi xã hội ấy thối nát, ích kỷ với lũ cường quyền đầy xảo trá mới đẩy con người ta tới bước đường cùng, đẩy những người phụ nữ tới bước truân chuyên, bi kịch của số kiếp.

Xã hội phong kiến đầy rẫy những nỗi bất công, được điều khiển bởi quyền lực và đồng tiền, thế nên nó chẳng thể tránh khỏi những cuộc chiến tranh phi nghĩa, tước đi quyền hạnh phúc của bao nhiêu người phụ nữ trong xã hội.

Những người phụ nữ khi lấy chồng, luôn mang trong mình khao khát một cuộc sống lứa đôi hạnh phúc, vui vầy. Niềm hạnh phúc ấy đến từ người chồng bởi với họ, người chồng là tất cả của họ "xuất giá tòng phu", chính là khuôn khổ này. Thế nhưng, khi người phụ nữ đang được vui thú nghi gia, được hưởng sự hạnh phúc ấy thì những cuộc chiến tranh phi nghĩa xảy ra. Triều đình bắt bớ trai đinh đi lính, và những người phụ nữ kia trở thành những nàng chinh phụ. Chồng nơi chiến trận, ra hiểm vào nguy, làm sao mà người vợ không lo lắng cho được? Như nàng Tô Thị kia đã trở thành núi Vọng Phu chỉ vì chờ chồng đó sao? Hay như nàng Vũ Nương trong "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ, bi kịch gia đình xảy ra

chẳng phải nguyên nhân sâu xa xuất phát từ việc người chồng bị bắt đi lính chiêm hay sao? Còn người chinh phụ trong đoạn trích "Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ" cũng chịu chung số phận ấy. Nàng vò võ một mình suốt năm canh, ngày này qua tháng khác, mòn mỏi chờ đợi tin của người chồng của mình. Suốt đêm thâu, nàng ngồi bên rèm, mỗi khắc trôi qua những tưởng cả một năm ròng rã:

"Gà eo óc gáy sương năm trống

Hòe phát phơ rú bóng bốn bên

Khắc giờ đằng đẵng như niên

Mối sầu dằng dặc tựa miền bể xa"

Còn nỗi nhớ chồng thì dài đằng đẵng như "đường lên trời":

"Lòng này gửi gió đông có tiện

Nghìn vàng xin gửi tới non Yên

Non Yên dù chẳng tới miền

Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời

Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu

Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong"

Có thể nói, chiến tranh phi nghĩa đã cướp mất đi của người phụ nữ những niềm hạnh phúc nhỏ bé nhất, đẩy họ tới bi kịch trong cuộc sống.

Và không chỉ thế, những người phụ nữ ấy còn trở thành những cái bóng phía sau chồng con, bởi họ không có quyền được lên tiếng đòi quyền được hạnh phúc, được sống mà phải chịu đủ mọi đắng cay, tủi nhục.

Ví như Kiều trong đoạn trích Nỗi thương mình, nàng hiểu rõ những bi kịch của số phận, hiểu rõ sự nhớ nhớp của chốn thanh lâu, hiểu rõ nỗi đau mình phải chịu để tự "thương mình". Thế nhưng, nàng đâu có quyền được đòi hỏi một cuộc sống khác, không được quyền hưởng niềm hạnh phúc khác, bởi nàng đã bị bán đi vào đây như một món hàng người ta mua bán ngoài chợ, bị rẻ rúng, khinh miệt đến thế nhưng nàng không thể lên tiếng để đòi quyền được sống, được hạnh phúc. Đó chính là do cái xã hội kia ban tặng, người phụ nữ chỉ vốn là một món hàng, một thứ vật trang trí làm đẹp cho những người đàn ông trong xã hội này mà thôi.

Tất cả những người phụ nữ trong xã hội phong kiến, họ là nạn nhân của cả cái xã hội đen tối, xấu xa đó. Dù có tài có sắc, có lòng chung thủy, bao dung đến đâu, họ cũng sẽ phải gánh chịu những nỗi thiệt thòi, oan khiên, đôi khi là cả bị kịch được tạo nên từ lễ giáo, phong tục trong xã hội ấy. Họ tài hoa mà bạc mệnh, như Kiều, như người chinh phụ kia hay như muôn vàn người phụ nữ khác vô danh trong xã hội phong kiến đương thời.

Đúng như Nguyễn Du đã cảm thán một câu về thân phận người phụ nữ trong Truyện Kiều rằng:

"Đón đau thay phận đàn bà

Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung"

Cuộc sống của người phụ nữ trong xã hội xưa chỉ là mảnh chuông treo ngoài cửa sổ, chẳng có lấy một ai đảm bảo cho họ được quyền sống, được hạnh phúc cả. Đọc những tác phẩm trên, ta mới thấy được nỗi bất hạnh tới cùng cực của những người phụ nữ thời phong kiến. Từ đó, chúng ta ngày nay càng thêm cảm thông, thấu hiểu và trân trọng những người phụ nữ ấy, càng thêm trân trọng, yêu quý những người phụ nữ xung quanh mình.